

CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ SCOBY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ SCOBY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SCOBY INTERNATIONAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109916827

3. Ngày thành lập: 25/02/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Đình, Thôn Văn Thượng, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868095286

Fax:

Email: scobyvn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
2.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
5.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4543
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
10.	Bán buôn thực phẩm	4632
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và trang thiết bị y tế	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
19.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
20.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Trừ hợp báo)	8230
21.	Dịch vụ đóng gói	8292
22.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
23.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
24.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
25.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
26.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
27.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
28.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
29.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
30.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: - Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; - Cắt, tỉa và cạo râu; - Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...	9631
31.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
32.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
33.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
34.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
35.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
36.	Lập trình máy vi tính	6201
37.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
38.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

39.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn kế toán, tư vấn thuế, tư vấn chứng khoán)	7020
40.	Quảng cáo (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7310
41.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
42.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ đầu giá)	4719
44.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4722
45.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
46.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
47.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
48.	Sản xuất đường	1072
49.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
50.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
51.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
52.	Sản xuất chè	1076
53.	Sản xuất cà phê	1077
54.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ.	1079
55.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
56.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
57.	Sản xuất rượu vang	1102
58.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
59.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
60.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
61.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
62.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
63.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
64.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
65.	Sản xuất giày, dép	1520
66.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610

67.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
68.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
69.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
70.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
71.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
72.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
73.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
74.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5510
75.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
76.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
77.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
78.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
79.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
80.	Cung ứng lao động tạm thời (Trừ cho thuê lại lao động)	7820
81.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Trừ cho thuê lại lao động)	7830
82.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
83.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
84.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
85.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
86.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
87.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
88.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
89.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
90.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
91.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
92.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
93.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
94.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
95.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

96.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
97.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
98.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
99.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
100.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
101.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ trang thiết bị y tế	4772(Chính)
102.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí, trừ đấu giá)	4773

6. Vốn điều lệ: 800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ VĂN NAM	Việt Nam	Thôn Nhà Máy, Xã Bãi Trành, Huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	400.000.000	50,000	038090021997	
2	LÊ THỊ THÚY	Việt Nam	Thôn Phương Khê, Xã Ngọc Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	400.000.000	50,000	035184000357	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ VĂN NAM**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *18/11/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *038090021997*

Ngày cấp: *18/11/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Nhà Máy, Xã Bãi Trành, Huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 134 phố Bà Triệu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**